

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189A/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

Ông Lê Hữu Tới

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Nam Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số: 123/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng G, sinh năm 1991; CCCD số: 035191010286;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã K, tỉnh Hà Nam (nay là phường L, tỉnh Ninh Bình). Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Sĩ L, sinh năm 1989; CCCD số: 038089026504;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn F, T, xã T, huyện N (nay là Thôn T, xã T), tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Cộng hòa Liên bang Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng G trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Trần Sĩ L kết hôn với nhau ngày 12/12/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn T, xã T, thị xã K, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước. Tháng 7 năm 2017, anh L xuất cảnh sang Hà Lan, sau đó sang Đ và giấu địa chỉ, nên tôi không biết địa chỉ cụ thể và số điện thoại hiện nay của anh L. Tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Trần Sĩ L.

Về con chung: Vợ chồng tôi không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Trần Sĩ L không có mặt tại Việt Nam và không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài.

3. Tại Biên bản lấy lời khai các ngày 02/7/2025 và 17/7/2025, ông Trần Sỹ N, sinh năm 1951 và bà Vũ Thị L1, sinh năm 1956 là bố mẹ đẻ của anh Trần Sĩ L trình bày:

Vợ chồng cháu Trần Sĩ L và Lê Thị Hồng G kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, hai con kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, các con làm ăn và sinh sống chủ yếu tại tỉnh Hà Nam. Vì điều kiện kinh tế gia đình nên tháng 7 năm 2017, cháu L đi làm ăn ở nước ngoài, còn cháu G ở lại tỉnh Hà Nam. Các cháu mâu thuẫn thế nào chúng tôi cũng không nắm rõ, chỉ biết hai cháu không còn tình cảm như trước. Tháng 7 năm 2017, cháu L đi xuất khẩu lao động tại Đức, gia đình không biết địa chỉ cụ thể tại Đức của cháu nên không cung cấp cho Toà án được, chỉ biết hiện nay cháu vẫn làm việc, sinh sống ở đó và thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, nhưng không nói rõ địa chỉ cho gia đình biết.

Chúng tôi có nghe nói cháu G muốn ly hôn với cháu L, việc chung sống hay ly hôn là quyền của hai cháu nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Chúng tôi cũng nghe cháu L nói đồng ý ly hôn nhưng hiện nay cháu đang làm việc tại Đức, không về để giải quyết ly hôn được.

Vợ chồng cháu L và cháu G không có con chung và không có nợ chung. Theo như chúng tôi biết thì các cháu tài sản chung, nhưng cụ thể ra sao thì chúng tôi không rõ.

Chúng tôi đồng ý nhận tất cả các văn bản mà Tòa án giao và cam kết sẽ có trách nhiệm thông báo lại cho cháu L biết.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Chị Lê Thị Ngọc G1 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Sĩ L không có mặt tại phiên tòa.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý, giải quyết đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định theo hướng: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc G1, cho chị G1 ly hôn anh Trần Sĩ L; Vợ chồng không có con chung, không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó miễn xét.

Về án phí: Người khởi kiện phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:[1]. Về tố tụng:- Về thẩm quyền: Trong Đơn khởi kiện do chị Lê Thị Hồng G trình bày, hiện nay anh Trần Sĩ L đang sinh sống tại Đức.

Tại công văn số: 1200/CV-XNC(T1) ngày 26/5/2025 của Phòng Quản lý XNC Công an tỉnh T về việc cung cấp thông tin, lịch sử xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam, nội dung: Trần Sĩ L, sinh ngày 10/10/1989; CMND số: 173228053; địa chỉ ở thôn F, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Lần xuất cảnh gần nhất ngày 15/7/2017 qua cửa khẩu S bằng hộ chiếu C2396105 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Ông Trần Sỹ N và bà Vũ Thị L1 (là bố mẹ đẻ của anh Trần Sĩ L) trình bày hiện nay anh L đang làm ăn, sinh sống tại Đức.

Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Chị G chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú trước khi xuất cảnh của anh Trần Sĩ L ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của anh L ở nước ngoài. Gia đình anh L thường xuyên liên lạc

qua điện thoại với anh, nhưng không biết địa chỉ nơi làm việc, sinh sống hiện nay của anh tại Đức.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định tố tụng cho gia đình anh Trần Sĩ L, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hoá là nơi gia đình anh L đang sinh sống; bố mẹ đẻ anh L cam kết nhận văn bản, quyết định của Tòa án và thông báo đầy đủ thông tin cho anh Trần Sĩ L.

Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét nội dung khởi kiện của chị Lê Thị Hồng G:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng G và anh Trần Sĩ L kết hôn năm 2015, có Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam cấp ngày 12/12/2015, là hôn nhân hợp pháp.

Chị G cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay (từ thời điểm anh L đi nước ngoài), gia đình hai bên đã dàn xếp nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L đã hết nên xin ly hôn. Theo thông tin gia đình anh L cung cấp thì chị G và anh L có mâu thuẫn nhưng không rõ là mâu thuẫn gì, anh L biết việc chị G xin ly hôn và cũng đồng ý ly hôn với chị G.

Xét thấy, mâu thuẫn của chị G và anh L là trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, chị G xin ly hôn, thông qua gia đình anh L biết việc chị G xin ly hôn nhưng không có nguyện vọng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ mà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng G, cho chị G được ly hôn anh Trần Sĩ L.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng chị G, anh L chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị G phải chịu án phí sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 37, khoản 4

Điều 147, Điều 238, Điều 266; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng G.

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng G và anh Trần Sĩ L ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị Hồng G và anh Trần Sĩ L không có con chung.

- Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000004679190 ngày 02/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (do chị Lê Thị T nộp thay).

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị Hồng G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Anh Trần Sĩ L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày gia đình anh nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- P9-VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thắng Lợi, tỉnh Thanh Hóa (để niêm yết);
- UBND phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình (nơi ĐKKH);
- Nguyên đơn;
- Gia đình Bị đơn (để thông báo cho bị đơn);
- Lưu HSVA; Tòa HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thu Hương**